TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST. Ngày: 29-02-2024 V/v tranh chấp ly hôn;	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hương và ông Lê Xuân Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 6, xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã T, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt.

+ *Bị đơn*: Anh Phan Huy T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 6, xã S, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của chị Đỗ Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị kết hôn với anh Phan Huy T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Phúc Thọ ngày 30/6/2004. Sau khi cưới, chị về gia đình anh T làm ăn chung sống. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian tiếp theo vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, phát triển kinh tế chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh T có tính vũ phu, mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh lại đánh chị, chị không thể chịu đựng được nên tháng 10/2016 chị và 02 con đã về gia đình bố mẹ đẻ tại thôn 5, xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ để ở. Chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng

không quan tâm đến nhau. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có sự gắn bó nên chị H làm đơn xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Huy T1, sinh ngày 01/5/2005 và cháu Phan Huy H, sinh ngày 01/4/2008. Cháu T1 đã trưởng thành, khỏe mạnh và đang là sinh viên của trường Đại học ở Bình Dương nên không pH giải quyết. Cháu H đang học trường trung cấp nghề ở thị xã Sơn Tây. Ly hôn, chị nhận nuôi cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, vì từ nhỏ cháu H ở với chị là chủ yếu. Cho đến tháng 08/2023 cháu H mới về ở cùng ông bà nội để thuận tiện cho việc đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bị đơn là anh Phan Huy T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập H lệ đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

* Bố đẻ của anh T là ông Phan Huy Phán trình bày: Năm 2004, anh T kết hôn với chị H. Sau khi cưới, chị H về gia đình ông làm ăn, sinh sống. Do ông sống cùng nhà với vợ chồng anh T nên biết được hôn nhân giữa anh T và chị H không có hạnh phúc, vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Theo gia đình ông biết được, chị H có người khác nên chị không muốn sống cùng anh T. Từ năm 2016 chị H và 02 con đã về ra đình bố mẹ đẻ chị sinh sống. Anh T, chị H sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi chị H về nhà mẹ đẻ, chị chưa một lần nào quay về và cũng không bao giờ đến thăm hỏi vợ chồng ông. Chị H có đơn xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn đề nghị của chị H. Hiện nay, anh T đang đi làm kinh tế ở xa, thỉnh thoảng anh có về nhà thăm vợ chồng ông hay trong gia đình có công việc gì anh đều về. Các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đều đã gửi cho anh T biết. Do cuối năm nhiều việc nên anh không thể sắp xếp thời gian đến Tòa án làm việc, anh có thông tin lại với gia đình, anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị H.

* Chính quyền địa phương xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị H cùng chung sống, phát triển kinh tế tại xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên từ năm 2016 chị H cùng 02 con đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở. Khoảng tháng 08/2023 con thứ hai của anh T chị H mới về ở cùng ông bà nội. Hiện nay, anh T đang đi làm kinh tế ở tỉnh Đồng Nai, thỉnh thoảng anh T có về nhà chơi hoặc trong Đồng Nai không có việc làm thì anh lại về nhà sống cùng bố mẹ anh.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu khởi kiện của chị. Anh T đã được Tòa án triệu tập H lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H. Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phan Huy T. Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Phan Huy T1, sinh ngày 01/5/2005 và cháu Phan Huy H, sinh ngày 01/4/2008. Cháu T1 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không pH giải quyết. Giao cháu Phan Huy H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết. Chị H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Phan Huy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị H và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Phan Huy T xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sen C, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày ngày 30/6/2004 nên xác định là hôn nhân H pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, cũng như kết quả điều tra, xác minh thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh T chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không đồng nhất về công việc, phát triển kinh tế chung trong gia đình. Từ tháng 10/2016 chị H và 02 con đã về gia đình bố mẹ đẻ chị sinh sống. Anh T và chị H sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H không còn gắn bó, vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân gần 10 năm nay, hôn nhân còn tồn tại nhưng không hạnh phúc đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H.

[2.2]. Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Phan Huy T1, sinh ngày 01/5/2005 và cháu Phan Huy H, sinh ngày 01/4/2008. Cháu T1 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không pH giải quyết. Cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị H xin tiếp tục được nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, kể từ khi anh T, chị H sống ly thân, cháu T1, cháu H được chị H nuôi dưỡng chăm sóc khỏe mạnh. Vì vậy, giao con chung là cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vào thời điểm hiện tại là phù H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về tài sản chung và nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Tuy nhiên, hồ sơ không có ý kiến của anh T về các quan hệ này. Để đảm bảo quyền và lợi ích H pháp cho các đương sự, Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ của vợ chồng anh T, chị H trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị H pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phan Huy T

1.2. Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Phan Huy T1, sinh ngày 01/5/2005 và cháu Phan Huy H, sinh ngày 01/4/2008. Cháu T1 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không pH giải quyết.

Giao cháu Phan Huy H cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

1.4. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị H pH chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013082 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND S, huyện Phúc Thọ;
(số 31-30/6/2004)
- Lưu HS, VP.

Trần Duy Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu